

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **276** /UBND-TCKH

Bỉm Sơn, ngày **22** tháng 02 năm 2017

V/v xây dựng kế hoạch huy động vốn từ nguồn thu quỹ đất cho đầu tư phát triển trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Văn bản số 406/STC-ĐT ngày 08/02/2017 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về xây dựng kế hoạch huy động vốn từ nguồn thu quỹ đất cho đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh; UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo theo những nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐẦU THẦU DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT, ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUA CÁC NĂM 2014-2016.

1. Đầu thầu dự án có sử dụng đất

a) Tổng số dự án được phê duyệt kế hoạch: 01 dự án (Khu dân cư Đông đường Quốc lộ 1A, khu phố 4, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn).

b) Kết quả thực hiện theo kế hoạch được tỉnh phê duyệt: Đang triển khai thực hiện.

c) Nguồn thu từ đầu thầu dự án có sử dụng đất qua các năm: Chưa có nguồn thu.

d) Báo cáo tình hình sử dụng nguồn thu từ tiền sử dụng đất được để lại (phần điều tiết cho ngân sách huyện) sau khi trừ chi phí ĐTHT và GPMB: Chưa có nguồn thu.

2. Đấu giá quyền sử dụng đất

a) Tổng số dự án được phê duyệt kế hoạch : 14 dự án.

b) Kết quả thực hiện theo kế hoạch được tỉnh phê duyệt: 02 dự án.

c) Nguồn thu từ đấu giá QSD đất qua các năm: 4.393 triệu đồng.

d) Báo cáo tình hình sử dụng nguồn thu từ tiền sử dụng đất được để lại (phần điều tiết cho ngân sách huyện) sau khi trừ chi phí ĐTHT và GPMB: Thị xã sử dụng chi cho đầu tư phát triển của thị xã.

(Chi tiết kết quả thực hiện theo phụ lục 1,2 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU ĐIỂM, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm: Các đơn vị được giao làm bên mời thầu, đơn vị tổ chức đấu giá, các cơ quan có liên quan đã tích cực phối hợp để triển khai thực hiện.

2. Tồn tại: Tiến độ triển khai thực hiện đấu thầu, đấu giá còn rất chậm.

3. Nguyên nhân: Trình tự thủ tục lập quy hoạch, lập dự án, GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng gặp nhiều khó khăn, thời gian kéo dài, không có vốn để đầu tư.

4. Đề xuất, kiến nghị:

UBND Tỉnh có cơ chế hỗ trợ, cho vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư quyền sử dụng đất, tránh nợ đọng trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

III. Giải pháp để huy động vốn từ nguồn thu quỹ đất cho đầu tư phát triển giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Kế hoạch huy động vốn từ khai thác quỹ đất để đấu thầu có sử dụng đất, đấu giá QSD đất giai đoạn 2017-2020

- Tên dự án (hoặc MBQH): 9 dự án đấu thầu có sử dụng đất và 25 dự án đấu giá đất.

- Dự kiến tiền sử dụng đất phải thu: 893.000 triệu đồng.

- Dự kiến chi phí GPMB và ĐTHT của dự án: 838.229 triệu đồng.

- Dự kiến tiền sử dụng đất nộp NSNN sau khi trừ chi phí GPMB và ĐTHT của dự án: 54.771 triệu đồng.

Trong đó: + NS xã (theo tỷ lệ điều tiết được hưởng): 3.405 triệu đồng

+ NS huyện (theo tỷ lệ điều tiết được hưởng): 26.413 triệu đồng

+ NS tỉnh (theo tỷ lệ điều tiết được hưởng): 24.953 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục 3,4 đính kèm)

- Kế hoạch sử dụng nguồn thu từ tiền sử dụng đất được để lại (phần điều tiết cho ngân sách huyện) sau khi trừ chi phí ĐTHT và GPMB; Thị xã sử dụng chi cho đầu tư phát triển của thị xã

2. Nhu cầu về nguồn vốn để thực hiện

a) Nhu cầu về vốn: 838.229 triệu đồng

b) Nguồn vốn và hình thức tạo nguồn vốn: Bố trí vốn ngân sách hoặc huy động khác.

3. Giải pháp để thực hiện

Tập trung chỉ đạo, thực hiện đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, lập dự án đầu tư cơ sở hạ tầng; bố trí nguồn vốn ngân sách (hoặc huy động vốn khác) để thực hiện GPMB và đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và tổ chức đấu giá đất.

UBND thị xã Bim Sơn kính đề nghị Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TC-KH.



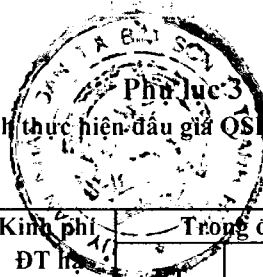
Bùi Huy Hùng

Báo cáo kết quả đấu giá QSD đất qua các năm 2014-2016



ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên MBQH (dự án)	Địa điểm	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất (triệu đồng)	Kinh phí		Trống đó	Nguồn vốn thực hiện		Tiền SD đất nộp NS sau khi trừ GPMB và Hạ tầng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						ĐT hạ tầng và GPMB (triệu đồng)	ĐT GPMB (tr.d)		NS huyện, xã	Huy động hợp pháp khác		Tiến độ GPMB	Tiến độ ĐHTH	Thời gian tổ chức đấu giá	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Năm 2014														
	Khu xen cư tại vị trí trụ sở UBND phường Phú Sơn và nhà trẻ cũ phường Phú Sơn	phường Phú Sơn, thị xã Bim Sơn	5100.11	1732.11	7.280	5.091	1.739	3.352	5.091		2.148	2014	2014	2014	
II	Năm 2015														
	Khu xen cư thôn Đoài Thôn	xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn	3279.2	2880	2.245	0					2.245	2015	2015	2015	
III	Năm 2016														
	Tổng										4.393				



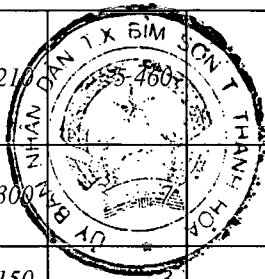
Báo cáo kế hoạch thực hiện đấu giá QSD đất giai đoạn 2017-2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên MBQH (dự án)	Địa điểm	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất (triệu đồng)	Kinh phí ĐT hạ tầng và GPMB (triệu)	Trong đó		Nguồn vốn thực hiện	Tiền SD đất nộp NS sau khi trừ GPMB và Hạ tầng	Tiền độ thực hiện			Ghi chú	
							BT GPMB (tr.đ)	ĐT hạ tầng			NS huyện, xã	Huy động hợp pháp khác	Tiền độ GPMB		Tiền độ ĐTHT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Năm 2017														
	Khu dân cư Đông Lê Chí Trực	phường Ba Đình	1.58	0.50	7.730	7.273			7.273		457	Q1+Q2	Q2	Q3	
	Khu xen cư phía Đông Bệnh viện đa khoa phường Lam Sơn	phường Lam Sơn	1.18	0.40	8.400	7.521			7.521		879	Q3	Q3+4	Q4	
	Xen kết hộ gia đình, cá nhân phía Đông đường Bùi Thị Xuân	phường Ba Đình	0.01	0.01	400	4			4		396	Q1+Q2	T6	T7	
	Khu xen cư Đồi Mơ, phường Đông Sơn	phường Đông Sơn	0.32	0.25	4.250	3.350			3.350		900	Q1+Q2	T7+8	T10	
	Khu xen cư Bắc Đường Phùng Hưng, phường Phú Sơn	phường Phú Sơn	0.95	0.40	9.641	8.934			8.934		707	Q1+Q2	T7+8	T10	
	Xen kết hộ gia đình cá nhân Bắc đường Lương Đình Cửa	phường Phú Sơn	0.03	0.03	750	11			11		739	Q1+Q2	T6	T9	
	Xen cư hộ gia đình cá nhân khu phố 4, phường Bắc Sơn	phường Bắc Sơn	0.01	0.01	180				-		180	Q1	T4+5	T6	
	Xen cư hộ gia đình cá nhân khu phố 9, phường Bắc Sơn	phường Bắc Sơn	0.01	0.01	270				-		270	Q1	T4+5	T6	
	Xen cư Thôn Đoài THôn xã Hà Lan	Xã Hà Lan	0.70	0.40	4.400	3500			3.500		900	Q2	Q3	T8	
II	Năm 2018														
	Khu dân cư Bắc Khu phố 2, phường Ba Đình	phường Ba Đình	0.73	0.30	6.900	5.800			5.800		1.100	Q1	T4-T8	T9	

	Khu xen cư Trạm y tế mới, đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Ba Đình	phường Ba Đình	0.48	0.19	3.600	3.550			3.550		50	Q1+2	T6-T10	T11
	Khu xen cư thôn Diên Lư, xã Hà lan, thị xã Bim Sơn (phía tây đường Bim Sơn đi Hà Thanh)	xã Hà Lan	0.12	0.12	1.320	750			750		570	T1-T3	T3-T6	T8
	Xen kẹt hộ gia đình, cá nhân Nam đường Phùng Hưng, phường Phú Sơn	phường Phú Sơn	0.04	0.04	800	15			15		785	T1-T3	T3-T6	T8
	Xen kẹt hộ gia đình cá nhân khu Đồng Găng	phường Phú Sơn	0.17	0.17	1.360	170			170		1.190	T1-T3	T3-T6	T8
	Khu dân cư Tây đường Lý Thường Kiệt	phường Ngọc Trạo	2.00	0.80	14.500	13.400			13.400		1.100	Q1+2	T6-T10	T11
III	Năm 2019								-		-			
	Khu dân cư Nam đường Lê Chân	phường Ba Đình	1.06	0.50	9.800	9.399			9.399		401	T1-T3	T3-T6	T8
	Khu xen cư thôn Xuân Nội, xã Hà Lan (đường Hàm Long Bim Sơn - Nga Sơn vào thôn Xuân Nội)	xã Hà Lan	0.36	0.22	1.760	800			800		960	T1-T3	T3-T6	T8
	Khu xen cư thôn Diên Lư, xã Hà lan, thị xã Bim Sơn (phía Nam đường Hoàng Minh Giám - Bim Sơn đi Nga Sơn)	xã Hà Lan	0.10	0.02	400	-			-		400	T1-T3	T3-T6	T8
	Khu xen cư thôn Liên Giang, xã Hà lan, thị xã Bim Sơn (đường vào Nhà thờ họ Tây Hà)	xã Hà Lan	0.33	0.20	1.200	600			600		600	T1-T3	T3-T6	T8
	Khu dân cư Tây đường Lý thường kiệt (Quang Trung)	xã Quang Trung	2.50	1.00	15.400	14.600			14.600		800	T1-T3	T3-T6	T8
IV	Năm 2020								-		-			

Xen cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, khu phố 9, phường Bắc Sơn	phường Bắc Sơn	0.50	0.27	6.210	5.460	750	T1-T3	T3-T6	T8
Khu nhà ở xen cư Thôn 1, xã Quang Trung	xã Quang Trung	0.02	0.02	300	7	293	T1-T3	T3-T6	T8
Khu nhà ở xen cư thôn 3, xã Quang Trung	xã Quang Trung	0.01	0.01	150	3	147	T1-T3	T3-T6	T8
Khu nhà ở xen cư thôn 4, xã Quang Trung	xã Quang Trung	0.01	0.01	200	4	196	T1-T3	T3-T6	T8
Xen cư Khu phố 1, phường Bắc Sơn	phường Bắc Sơn	0.07	0.07	700	-	700	T1-T3	T3-T6	T8
Tổng				100.621	85.150	15.471			





BÁO CÁO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐẦU AN CỐ SỬ DỤNG ĐẤT ĐỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2017-2020

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Bên mời thầu	Chức năng quy hoạch	Quy mô (ha)	Diện tích đầu thầu (ha)	Dự kiến tổng tiền SDD (Gồm cả ĐHTT + GPMB)	Chi phí ĐHTT và GPMB	Tiền SD đất nộp NSNN sau khi trừ chi phí ĐHTT và GPMB	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Năm 2017									
1	Khu dân cư Đông Quốc lộ 1A, phường Bắc Sơn	phường Bắc Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	3	2	34.879	12.879	22.000	
2	Khu dân cư Phố Chợ (tại xã Quang Trung thị xã Bim Sơn)	xã Quang Trung, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Khu đô thị mới (đất ở + Dịch vụ + cây xanh)	25	11	284.000	278.000	6.000	
3	Khu dân cư KP 12, phường Ngọc Trao	phường Ngọc Trao, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	2	1	25.500	24.500	1.000	
II	Năm 2018									
1	Khu dân cư Nam Cổ Đàm (giai đoạn 1)	phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	8	4	94.600	93.000	1.600	
2	Khu đất ở + TMDV	phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất hỗn hợp	0.7	0.7	14.000	13.200	800	
III	Năm 2019									
1	Khu dân cư Nam Cổ Đàm (giai đoạn 2)	phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	8.0	3.5	94.000	92.000	2.000	
2	khu dân cư phía Nam đường Thanh Niên xã Quang Trung	xã Quang Trung, tx. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	6	3.0	59.400	58.000	1.400	
IV	Năm 2020									
1	Khu dân cư Nam Cổ Đàm (giai đoạn 3)	phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	8.0	3.5	94.400	92.500	1.900	
2	Khu dân cư phía Đông Đường Lê Lợi, phường Đông Sơn (khu vực Bắc Cầu Hà Lan)	phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn	UBND TX Bim Sơn	Đất ở	10	5.0	91.600	89.000	2.600	
	Tổng						792.379	753.079	39.300	